

Name: _____

Date: ... / ... /20...

Class: S3

Tel: 034.200.9294

GLOBAL ENGLISH 3

Christmas vocabulary & Movers writing

❖ *Lưu ý: Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé*

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	elf (n)	yêu tinh	8	fireplace (n)	lò sưởi
2	reindeer (n)	tuần lộc	9	angel (n)	thiên thần
3	snowman (n)	người tuyết	10	caroling (n)	hoạt động hát mừng Giáng sinh
4	Santa (n)	Ông già Nô-en	11	mistletoe (n)	cây tầm gửi
5	chimney (n)	ống khói	12	tinsel (n)	dây kim tuyến
6	ornament (n)	đồ trang trí	13	Christmas Eve (n)	Đêm Giáng sinh
7	sleigh (n)	xe trượt tuyết			

Chú thích: n = noun: danh từ

B. HOMEWORK

Exercise 1: Read the passage and write T (True) or F (False)

Christmas is the time that my family looks forward to (*mong chờ*) in a year. Every Christmas, my sister and I always decorate the Christmas tree with a lot of tinsels and ornaments. My little brother likes making a snowman in the garden. My father usually has a cup of tea in front of the fireplace. And my mother bakes many cookies to share with our friends. On Christmas Eve, there is caroling in our neighborhood. We laugh and eat a lot of good food at Christmas.

0. My family doesn't like Christmas.

☒ F

1. My sister likes making a snowman.

☐

2. I decorate the Christmas tree with tinsels.

☐

3. My mother shares cookies with our friends.

☐

4. My father drinks tea in front of the mistletoe.

☐

5. There is a reindeer in our neighborhood.

☐

Exercise 2: Circle the correct answer

		
0. <u>Santa</u> angel carol	1. mistletoe tinsel string	2. snow elf snowman
		
3. chimney fireplace ornament	4. angel caroling snowman	5. sleigh mistletoe reindeer

Exercise 3: Fill in the blank with the right word

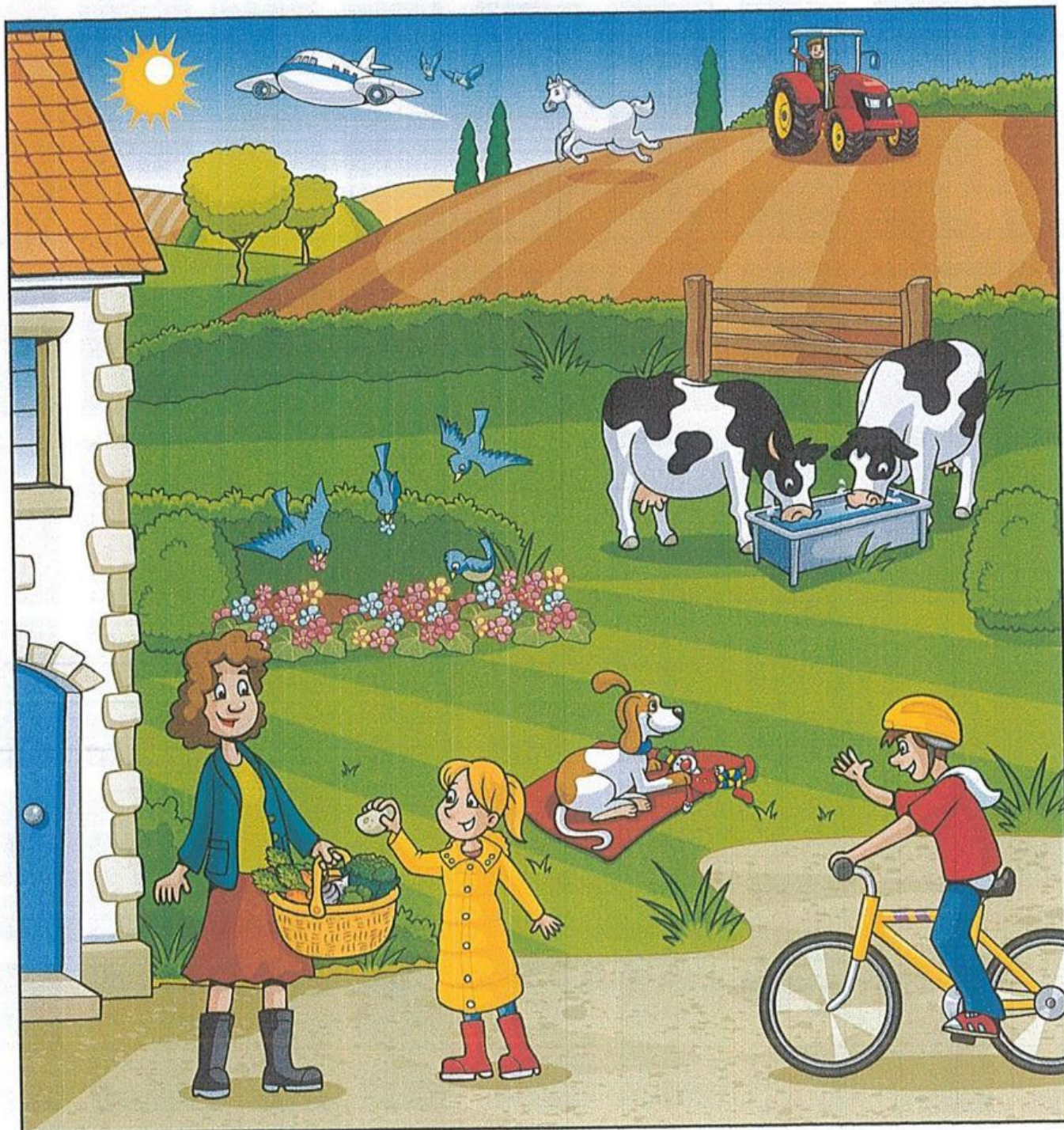
elf	chimney	angel	mistletoe	sleighs	ornaments
-----	---------	-------	-----------	---------	-----------

0. The Santa climbed down the chimney to get into our house.
1. The _____ lives with Santa and often wears green and red clothes.
2. I thought I saw a/an _____ when I looked at her.
3. People used _____ to travel over snow.
4. Susan and Paul kissed under the _____ at Christmas.
5. We bought many _____ to decorate our house.

*Lưu ý trước khi làm đề Cambridge:

1. Sau khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc.

Look and read and write.



Examples

The woman is carrying somevegetables.....

What is the farmer driving? a red tractor.....

Questions

Complete the sentences.

1 The birds are flying next to

2 Two cows are

Answer the questions.

3 What is the girl wearing?

.....

4 What is the dog sitting on?

.....

Now write two sentences about the picture.

5

6

Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/V7nGVkB-n8?t=1136> (Từ 18:55 đến 24:50)

Listen and colour and write. There is one example.



Exercise 1: Re-order the following sentences

0. it? / confused about / Why / she / was

⇒ Why was she confused about it?

1. ninety-nine questions. / This little girl / answer / could

⇒ This little girl could answer ninety-nine questions.

2. are / knives / There / twenty-eight / in the kitchen.

⇒ There are twenty-eight knives in the kitchen.

3. must / Students / their books. / return

⇒ Students must return their books.

4. Tony / in Africa / taught English / last year.

⇒ Tony taught English in Africa last year.

5. did / score / How / he / that goal?

⇒ How did he score that goal?

Exercise 2: Circle the correct answer

0. There are sixty-four (**circles** / **squares** / **triangles**) on the chess table (bàn cờ).

1. My (**granddaughter** / **sister** / **grandson**) sang a song on his birthday.

2. His friend came to France in (**April** / **Monday** / **Christmas**).

3. My sister was very angry, so she walked away (**slowly** / **quickly** / **confused**).

4. It is hard to see the polar bear because its fur (**blends** / **creeps** / **traps**) in with the snow.

5. If you want to get to the museum (bảo tàng), (**jump** / **dance** / **turn**) right.